TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09/11/2018
"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.
2. Ông Siu Tơ Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1972. Có mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai.
2. Bị đơn: Ông Phan Thế V, sinh năm 1977. Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lâm Thị Tuyết trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thế V có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được sự đồng ý của hai gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 30/02/1998. Trong quá trình chung sống, bà và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, gia đình nhiều lần khuyên can nhưng tình hình không cải thiện. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thế V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông V có 02 con chung cháu Phan Lâm Kiều T, sinh ngày 05/4/1999 và Phan Lâm Việt T, sinh ngày 06/12/2003. Cháu T đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu gì. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu T và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 30/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan Thế V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lâm Thị T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 30/02/1998. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông và bà T chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, ông đề nghị Tòa án cho vợ chồng ông thời gian để thỏa thuận phân chia tài sản xong, sau khi phân chia xong ông sẽ đồng ý thuận tình ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà T có 02 con chung cháu Phan Lâm Kiều T, sinh ngày 05/4/1999 và Phan Lâm Việt T, sinh ngày 06/12/2003. Cháu T đã trưởng thành và lập gia đình nên ông không ý kiến gì. Ông tôn trọng nguyện vọng của cháu T, cháu muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, còn về phần cấp dưỡng: Ông sẽ phân chia tài sản chung và chia cho cháu T một phần, do đó ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì; bị đơn không tuân theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử: bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Phan Thế V; Về con chung: giao cháu Phan Lâm Việt T, sinh ngày 06/12/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành.; Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: buộc bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và ông Phan Thế V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/4/2018, nguyên đơn là bà Lâm Thị T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Phan Thế V và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của bà Tuyết đúng quy định, ông V có nơi cư trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông V vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị T và ông Phan Thế V và yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T thấy rằng:

Bà Lâm Thị T và ông Phan Thế V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/02/1998 tại Ủy ban nhân dân xã h, thành phố b, tỉnh Đăk Lăk. Quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Bà T và ông V đều khai và thừa nhận trong quá trình chung sống, ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không còn yêu thương, tin tưởng nhau. Kết quả xác minh về những mâu thuẫn hôn nhân giữa ông V và bà T tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà là có thật, ông bà chung sống không hạnh phúc, không còn yêu thương quan tâm nhau, bỏ mặc nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên bà T rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với ông V nhưng bà T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông V là có thật, mặc dù ông bà là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, yêu thương nhau mà bỏ mặc nhau, hiện nay không còn tình cảm với nhau nữa. Do đó, căn cứ vào Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà được ly hôn với ông V.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông V có 02 con chung cháu Phan Lâm Kiều T, sinh ngày 05/4/1999 và Phan Lâm Việt T, sinh ngày 06/12/2003. Cháu T đã trưởng thành và lập gia đình nên ông bà không yêu cầu gì. Bà T yêu cầu được nuôi cháu Tvà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; ông V có ý kiến là tôn trọng nguyện vọng của cháu T. Tòa án đã làm việc với cháu T và cháu có nguyện vọng được ở với bà T; đồng thời Phòng Lao động-Thương binh xã

hội huyện Chư Sê có ý kiến với hoàn cảnh của ông V bà Tuyết hiện tại, cháu T đang có cuộc sống ổn định, nên tôn trọng nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ, giao cháu T cho bà Tnuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Lâm Việt T, sinh ngày 06/12/2003 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, theo như trình bày của bà T, ông V không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, tuy nhiên xét trách nhiệm của người làm cha đối với con và gắn kết tình cảm cha con nên Hội đồng xét xử buộc ông V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu thành niên và tự lập được.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; buộc ông V phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Phan Thế V.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lâm Việt T, sinh ngày 06/12/2003 cho bà Lâm Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Thế V phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Lâm Việt T với số tiền là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu T thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà T được nhận số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Lâm Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001750 ngày 04/5/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bà Lâm Thị T đã nộp xong.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phan Thế V phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là bà Lâm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2018); bị đơn là ông Phan Thế V vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);